

Bản án số: **279** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị D ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986,

Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị D, anh T và anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Vũ Thị D và người được chị D ủy quyền trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

cùng gia đình nhà chồng ở thôn C, xã A, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vì cuộc sống có nhiều khó khăn nên ngày 15/6/2017 chị quyết định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản để có công việc và thu nhập ổn định. Do cuộc sống xa cách nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng ít nói chuyện với nhau, mỗi khi nói chuyện thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người một suy nghĩ, một lối sống khác nhau. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình nhiều lần can thiệp nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 28/8/2015. Hiện tại cháu T2, cháu C đang ở cùng với anh T1. Khi ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho anh Nguyễn Văn T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 2.500.000đồng/cháu/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Năm 2017, chị D đi lao động ở Nhật Bản đến năm 2023 chị D về Việt Nam và có trao đổi với anh về việc ly hôn. Thời điểm đó anh đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng không kịp làm thủ tục ly hôn do chị D phải quay lại Nhật Bản tiếp tục công việc. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 28/8/2015, hiện 02 cháu đang ở cùng với anh. Anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, anh đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh là 2.500.000đồng/cháu/tháng (5.000.000đồng/2 cháu/tháng). Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị D, anh T1 đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T1; Về con chung: Giao cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 28/8/2015 đến khi con chung trưởng thành. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh T1 là 2.500.000đồng/cháu/tháng (5.000.000đồng/2 cháu/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành; Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn T1. Chị D hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, anh T1 đang sinh sống tại Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa chị D, anh T1 đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh T1.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/7/2011 là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh T1 đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, năm 2017 chị D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về nước. Trong cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T1 và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, anh T1 nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh T1 không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị D được ly hôn anh T1 là phù hợp.

- Về quan hệ con chung: Chị D và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 28/8/2015, hiện đều đang ở cùng anh T1. Khi ly hôn chị D và anh T1 cùng có quan điểm để anh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị D sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh T1 là 2.500.000đồng/cháu/tháng (5.000.000đồng/2 cháu/ tháng). Xét thấy cả 02 con chung hiện đang ở cùng anh T1 và các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị D và anh T1 giao 02 con chung cho anh T1 tiếp tục chăm

sóc, nuôi dưỡng và chị D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh T1 là 2.500.000đồng/cháu/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Vũ Thị D được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 28/8/2015, thời gian từ tháng 8/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Vũ Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh Nguyễn Văn T1 là 2.500.000đồng/cháu/tháng (5.000.000đồng/2cháu/tháng) thời gian từ tháng 8/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Vũ Thị D được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị D chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa

thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000497 ngày 06/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh T đã nộp thay).

Chị D còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị D chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Vũ Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Thượng, thành phố Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, THC, TGD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

